

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**
Bản án số: 198/2018/HSST
Ngày: 28 - 9 - 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ HẠ LONG - TỈNH QUẢNG NINH

Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Định.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Đích và ông Phạm Văn Chuy

Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân T phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân T phố Hạ Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 193/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn K** - Sinh ngày: 15/10/1987 tại thị xã Q, tỉnh Q; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, thị xã Q, tỉnh Q; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn K và bà: Đỗ Thị L; Có vợ là Nguyễn Thị M; có 02 con; Tiền án, tiền sự: Chưa có;

Bị cáo ra đầu thú ngày 01/7/2018, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an T phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

**/ Người bị hại:* Anh Vũ Đình D – sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ 1, khu 7, phường G, TP. H, tỉnh Q, vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xử án vắng mặt)

**/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Lê Văn T - sinh năm 1986. Trú tại: Khu tập thể nhà máy gạch T G, tổ 2, khu 2, phường H, TP. H, tỉnh Q, vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xử án vắng mặt).

- Anh Nguyễn Thanh H – sinh năm 1971; Trú tại: Tổ 2, khu 2, phường H, TP. H, tỉnh Q, vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xử án vắng mặt).

*** Người làm chứng: Anh Phạm Công B - sinh năm 1994. Trú tại: Khu tập thể nhà máy gạch T G, tổ 2, khu 2, phường H, TP. H, tỉnh Q, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Anh Vũ Đình D, trú tại khu 4, phường Y, thị xã Q, tỉnh Q và Lê Văn K là bạn bè cùng quê, chơi thân với nhau. K thường đến hiệu cầm đồ của anh D ở tổ 4, khu 1, phường H, TP. H, tỉnh Q chơi và ngủ qua đêm với anh D.

Vào một ngày cuối tháng 9 năm 2017, K đến hiệu cầm đồ hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 14X-097... của anh D để đi về quê vài hôm. Anh D tin tưởng, nên đồng ý giao xe mô tô cho K mượn. K đi xe của anh D về quê tại xóm Đ, xã L, thị xã Q, tỉnh Q chơi. Khoảng 2 ngày sau K từ quê ra, do không có tiền ăn tiêu nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh D mang đi cầm đồ. K điều khiển mô tô đến nhà trọ của anh Lê Văn T, ở tổ 22, khu 2, phường H, TP. H là bạn cùng quê. K gặp và nói dối anh T, xe mô tô BKS 14X-097.. là xe của K. Do có việc gấp cần tiền, K nhờ anh T mang xe đến hiệu Internet của anh Nguyễn Văn H ở tổ 22, khu 2, phường Hà Khẩu, TP.H, cầm cố giúp K lấy 5.000.000 đồng, ngày hôm sau K sẽ đến chuộc xe. K nêu lý do không dám đến cầm xe trực tiếp vì nợ tiền nhiều người ở khu vực nhà anh Hải, sợ họ gặp sẽ đòi nợ. Anh T tưởng thật đồng ý giúp K, nên đã tự ứng 4.800.000 đồng, là tiền cá nhân của mình đưa cho K. Sau đó, anh T đem xe mô tô BKS:14X1-097.06 cầm cố cho anh H vay 4.500.000 đồng và nói vay tiền cho K, khi nào K đến chuộc xe thì anh T sẽ có trách nhiệm trả lại tiền cho anh Hải.

Về phía anh D, sau khi cho K mượn xe, đến hẹn mãi không thấy K mang trả, anh D đã điện thoại cho K nhiều lần nhưng không liên lạc được. Qua hỏi bạn bè anh D được anh Phạm Công B là bạn cùng quê và ở trọ cùng anh T, cho biết chiếc xe mô tô của anh hiện đang ở hiệu Internet của anh Nguyễn Thanh H. Anh D cầm giấy tờ xe đến gặp anh H để lấy lại xe và trình báo cơ quan Công an. Còn Lê Văn K, sau khi chiếm đoạt xe anh D đã bỏ trốn, ăn tiêu hết số tiền anh T đưa. Đến ngày 01/7/2018, K đến Công an đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 27 ngày 26/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản T phố H, kết luận xe mô tô BKS: 14X1-097.06, có giá trị tại thời điểm bị xâm phạm là 26.864.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn K khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án được thể hiện trong Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân T phố H đã truy tố bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn T và anh Nguyễn Thanh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai phù hợp với lời khai của người bị hại, bị cáo và phù hợp với nội dung vụ án. Quá trình điều tra gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh Lê Văn T số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); Bồi thường cho anh Nguyễn Thanh H số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng), nay cả hai anh không yêu cầu K phải bồi thường gì khác.

Người làm chứng anh Phạm Công B vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại Cơ quan điều tra có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo và bị hại về nội dung vụ án.

Người bị hại anh Vũ Đình D có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo về việc anh bị chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS: 14X1-097.06. Nay anh đã nhận lại xe mô tô nên không yêu cầu bị cáo K phải bồi thường, về phần hình phạt anh đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 198/CT- VKS - HL ngày 24/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân T phố H đã truy tố Lê Văn K về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a, khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố H giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a, khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự 1999; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Lê Văn K từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 01/7/2018.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân T phố H và bản luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an T phố H, Viện kiểm sát nhân dân T phố H, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn K khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, của người làm chứng, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với Bản Kết luận định giá tài sản số 27 ngày 26/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản T phố H và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng sự tin tưởng là bạn bè, vào một ngày cuối tháng 9/2017, tại hiệu cầm đồ của anh Vũ Đình D, ở tổ 4, khu 1, phường Hồng Hải, T phố H, Lê Văn K có hành vi mượn xe mô tô BKS 14X1-097.06, trị giá 26.864.000 đồng của anh D để đi về quê. Sau khi mượn được xe, K chiếm đoạt và nhờ anh Lê Văn T cầm cố lấy 4.800.000 đồng chi tiêu cá nhân, rồi bỏ trốn.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Văn K đã đủ yếu tố cấu T tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự 1999 như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân T phố H đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật hình sự, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo trong vụ án đã lợi dụng lòng tin và sự tín nhiệm của bạn bè để mượn tài sản, sau đó chiếm đoạt để lấy tiền ăn tiêu rồi bỏ trốn, điều này thể hiện sự coi thường tình bạn, coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy cần phải lên một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội ra đầu thú; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tác động với gia đình tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Khi lượng hình, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, nhưng dù có xem xét giảm nhẹ hình phạt đến đâu thì việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công ăn việc làm, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu 01 xe mô tô BKS 14X1-097..., nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về phần dân sự: Bị hại anh Vũ Đình D đã nhận lại xe mô tô nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh H và anh Lê Văn T đã được bồi thường đầy đủ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với số tiền 4.800.000đồng bị cáo có được do cầm cố xe mô tô của anh K, xét thấy đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có, nhưng do bị cáo đã tác động gia đình bồi thường lại số tiền trên cho những người liên quan, nên không cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền trên sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo và bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a, khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự 1999; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn K phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn K 15 (Mười năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 01/7/2018.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Văn K phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; Vắng mặt bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi,

nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại, người liên quan;
- VKSND TP.H;
- VKSND tỉnh Q;
- TAND tỉnh Q;
- Cơ quan điều tra Công an TP. H;
- Cơ quan THAHS TP. H;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Q.Ninh;
- Chi cục THADS TP. H;
- Lưu hồ sơ, văn phòng, THA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Định